

THÔNG BÁO 2017-46

Hướng dẫn sửa đổi liên quan tới việc thu thập và báo cáo mã số nhận dạng người nộp thuế và ngày sinh của các tổ chức tài chính

I. MỤC ĐÍCH

Thông báo này quy định thủ tục để một số tổ chức tài chính nước ngoài được yêu cầu báo cáo mã số nhận diện người nộp thuế Hoa Kỳ (mã TIN Hoa Kỳ) đối với một số tài khoản nhất định theo Hiệp định song phương (IGA) Mô hình 1. Nếu các tổ chức tài chính nước ngoài này tuân thủ đúng các thủ tục nêu tại Thông báo này, Sở Thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) sẽ không coi một tổ chức tài chính nước ngoài là không tuân thủ đáng kể đối với các nghĩa vụ tại IGA Mô hình 1 chỉ vì tổ chức tài chính nước ngoài này không thể báo cáo mã TIN Hoa Kỳ gắn liền với tài khoản Hoa Kỳ phải báo cáo được duy trì tại thời điểm IGA Mô hình 1 được ký.

Thông báo này công bố rằng Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS có dự định chỉnh sửa một số điều cụ thể tại quy định tạm thời trong Chương 3 Bộ Luật Thuế vụ Liên bang (IRC). Những chỉnh sửa này điều chỉnh những hạn chế và việc áp dụng từng bước yêu cầu đối với một số đại lý khấu trừ nhất định về việc thu thập và báo cáo mã số nhận dạng người nộp thuế được cung cấp bởi quốc gia cư trú thuế của chủ tài khoản (mã TIN nước ngoài) và, đối với chủ tài khoản là cá nhân, thu thập và báo cáo ngày sinh của chủ tài khoản. Những thay đổi nêu tại Thông báo này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ thu thập và báo cáo mã số nhận dạng người nộp thuế một cách có trật tự.

II. BỐI CẢNH

Ngày 18/3/2010, Đạo Luật khôi phục việc làm và tạo động lực thuê lao động tại Hoa Kỳ 2010, Pub. L. No. 111-147, 124 Stat 71 (2010) (gọi tắt là Đạo luật HIRE), đã bổ sung vào IRC Chương 4 của Tiểu mục A (Chương 4), bao gồm Phần 1471 tới 1474. Chương 4 (thường được biết tới là Đạo luật Tuân thủ thuế đối với tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ hoặc FATCA) nhắm tới việc không tuân thủ của một số người nộp thuế Hoa Kỳ nắm giữ tài khoản/tài sản tài chính nước ngoài. FATCA yêu cầu một số tổ chức tài chính nước ngoài nhất định phải báo cáo cho IRS thông tin về các tài khoản tài chính nắm giữ bởi người nộp thuế Hoa Kỳ hoặc tổ chức nước ngoài mà người nộp thuế Hoa Kỳ

nắm giữ quyền sở hữu. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin về các tài khoản tài chính nắm giữ bởi người nộp thuế Hoa Kỳ, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã phối hợp với Chính phủ các nước để phát triển 2 Mô hình IGA (IGA Mô hình 1 và 2) nhằm cung cấp công cụ hiệu quả giúp tuân thủ FATCA, giảm thiểu gánh nặng tuân thủ FATCA đặt lên các tổ chức tài chính. IGA Mô hình 1 quy định rằng tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 sẽ báo cáo một số thông tin nhất định về các tài khoản Hoa Kỳ được duy trì bởi tổ chức tài chính nước ngoài đó cho cơ quan thuế của quốc gia đối tác, và cơ quan đó sẽ tự động trao đổi các thông tin này với cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ.

Ngày 17/1/2013, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS đã ban hành quy định cuối cùng tại Chương 4 (T.D. 9610, 78 F.R. 5873) (Quy định cuối cùng Chương 4 2013). Ngày 6/3/2014, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS đã ban hành quy định tạm thời tại Chương 4 (T.D. 8657, 79 F.R. 12812) (Quy định tạm thời chương 4 2014). Ngày 6/3/2014, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS cũng đã ban hành quy định tạm thời tại Chương 3, 61 và Phần 3406 (T.D. 9658, 79 F.R. 12736) (quy định phối hợp tạm thời) nhằm kết hợp quy định tại những điều này với các quy định cuối cùng Chương 4 2013 và các quy định tạm thời Chương 4 2014. Ngày 6/1/2017, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS đã ban hành quy định cuối cùng tại Chương 3 (T.D. 9808, 82 F.R. 2046) (Quy định cuối cùng Chương 3) và Chương 4 (T.D. 9809, 82 F.R. 2046) (Quy định cuối cùng Chương 4), các quy định này thường được kết hợp với các quy định Chương 4 tạm thời 2014 và các quy định phối hợp tạm thời. Đồng thời, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS đã ban hành các quy định tạm thời tại Chương 3 (các quy định tạm thời chương 3) và Chương 4 để bổ sung cho một số điều nhất định tại các quy định Chương 3 và 4 cuối cùng.

III. YÊU CẦU BÁO CÁO MÃ TIN HOA KỲ ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NƯỚC NGOÀI BÁO CÁO THEO MÔ HÌNH 1

A. Bối cảnh

IGA Mô hình 1 quy định rằng tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 sẽ được coi là tuân thủ và không chịu khấu trừ theo Phần 1471 của IRC nếu như quốc gia đối tác tuân thủ các nghĩa vụ nêu tại IGA đối với các tổ chức tài chính; và các tổ chức tài chính này tuân thủ nghĩa vụ báo cáo và đăng ký theo IGA. Mỗi IGA Mô hình 1 quy định rằng Hoa Kỳ sẽ không yêu cầu tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 khấu trừ thuế theo Phần 1471 hoặc 1472 của IRC đối với các tài khoản chống đối (được định nghĩa tại Phần 1471(d)(6) của IRC) hoặc đóng tài khoản đó nếu như cơ quan Hoa Kỳ có thẩm

quyền nhận được những thông tin nhất định được nêu tại IGA Mô hình 1 của tài khoản đó.

Thông tin mà tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 được yêu cầu báo cáo gồm mã TIN Hoa Kỳ của mỗi cá nhân Hoa Kỳ là chủ tài khoản và, trong trường hợp một tổ chức không phải là Hoa Kỳ có 1 hoặc nhiều cá nhân Hoa Kỳ là người kiểm soát, mã TIN Hoa Kỳ của mỗi người kiểm soát (các mã TIN Hoa Kỳ được yêu cầu). Tuy nhiên, ngoài yêu cầu báo cáo này, trước năm 2017, tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 không bị yêu cầu báo cáo mã TIN Hoa Kỳ của tài khoản được duy trì tại ngày IGA Mô hình 1 được ký kết (tài khoản tồn tại sẵn), nếu hồ sơ của tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 không có mã TIN Hoa Kỳ. Tương tự, tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 chỉ phải báo cáo ngày sinh nếu như hồ sơ của tổ chức tài chính nước ngoài này có thông tin về ngày sinh. Các quốc gia đối tác cam kết ban hành quy định áp dụng kể từ năm 2017, yêu cầu các tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 thu thập và báo cáo mã TIN Hoa Kỳ của những tài khoản này.

IGA Mô hình 1 yêu cầu quốc gia đối tác thu thập và trao đổi thông tin nêu tại IGA Mô hình 1 (bao gồm mỗi mã TIN Hoa Kỳ bị yêu cầu) đối với mỗi tài khoản Hoa Kỳ phải báo cáo. Việc báo cáo và trao đổi đủ thông tin là điều kiện để ngưng việc khấu trừ theo Phần 1471 và 1472 của IRC theo IGA Mô hình 1. Nếu tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 không thể báo cáo mã TIN Hoa Kỳ của các tài khoản Hoa Kỳ phải báo cáo, cơ quan Hoa Kỳ có thẩm quyền có thể thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đối tác rằng tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 này không tuân thủ đáng kể IGA Mô hình 1. Nếu tổ chức tài chính nước ngoài này vẫn ở tình trạng không tuân thủ trong vòng 18 tháng sau khi nhận thông báo, theo IGA Mô hình 1 liên quan, Hoa Kỳ sẽ coi tổ chức tài chính nước ngoài này như một tổ chức tài chính không tham gia và áp dụng khấu trừ tại Phần 1471 của IRC.

B. Mã TIN Hoa Kỳ do tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS hiểu rằng một số tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 cần thêm thời gian để thực hiện các thông lệ và thủ tục thu thập và báo cáo mã TIN Hoa Kỳ được yêu cầu đối với các tài khoản Hoa Kỳ có sẵn cần báo cáo. Theo đó, đối với việc báo cáo các tài khoản có sẵn là tài khoản Hoa Kỳ cần báo cáo, đối với năm tài khóa 2017, 2018 và 2019, cơ quan Hoa Kỳ có thẩm quyền sẽ không coi một tổ chức tài chính nước ngoài báo

cáo theo Mô hình 1 là không tuân thủ đáng kể các nghĩa vụ được nêu trong IGA Mô hình 1, chỉ vì tổ chức tài chính nước ngoài này không thể thu thập và báo cáo mã TIN Hoa Kỳ được yêu cầu, với điều kiện tổ chức tài chính nước ngoài này: (1) thu thập và báo cáo ngày sinh của từng chủ tài khoản và người kiểm soát không cung cấp mã TIN Hoa Kỳ, (2) hàng năm, yêu cầu các chủ tài khoản cung cấp mã TIN còn thiếu và (3) tìm kiếm các mã TIN Hoa Kỳ còn thiếu từ dữ liệu điện tử được duy trì bởi tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 trước khi báo cáo thông tin liên quan tới năm tài khóa 2017 cho quốc gia đối tác. IRS dự định cung cấp hướng dẫn bổ sung về việc báo cáo mã TIN đối với các tài khoản có sẵn là tài khoản Hoa Kỳ phải báo cáo và thiếu mã TIN.

Các tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 cần thực hiện các thông lệ và thủ tục một cách kịp thời nhằm đảm bảo rằng các tài khoản tài chính được báo cáo theo IGA Mô hình 1, và cũng đảm bảo rằng các tài khoản Hoa Kỳ cần báo cáo được báo cáo một cách đầy đủ và đúng hạn trong những năm tới. Thông báo này không ảnh hưởng tới các nghĩa vụ của tổ chức tài chính nước ngoài báo cáo theo Mô hình 1 nêu tại Chương 3 hoặc 61 đối với lượng tiền/khoản thanh toán phải báo cáo.

IV. YÊU CẦU THU THẬP VÀ BÁO CÁO MÃ TIN NƯỚC NGOÀI VÀ NGÀY SINH

A. Bối cảnh

Trước khi các quy định Chương 3 tạm thời được ban hành, Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu W-8BEN và W-8BEN-E và Hướng dẫn dành cho bên yêu cầu Biểu mẫu W-8BEN, W-8BEN-E, W-8ECI, W-8EXP và W-8IMY đã chỉ ra các trường hợp mà người nộp biểu mẫu bị yêu cầu cung cấp mã TIN nước ngoài và, trong trường hợp là cá nhân, cung cấp ngày sinh. Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu 1042-S, “Thu nhập có nguồn gốc Hoa Kỳ của người nước ngoài bị áp dụng khấu trừ”, cho năm tài khóa 2014, 2015 và 2016, đã mô tả các trường hợp mà các đại lý khấu trừ nhất định bị yêu cầu báo cáo thêm những thông tin tại Biểu mẫu 1042-S.

Các quy định tạm thời Chương 3 bổ sung các thay đổi đối với các quy định phối hợp nhằm thay đổi nghĩa vụ thẩm định khách hàng và báo cáo của các đại lý khấu trừ. Cụ thể, các quy định tạm thời Chương 3 thường kết hợp những yêu cầu tại các Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu trên dành cho một số đại lý khấu trừ nhất định để thu thập và báo cáo mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản và, trong trường hợp chủ tài khoản là cá nhân, cung cấp ngày sinh. Những sửa đổi này phần nào đảm bảo rằng IRS sẽ có đủ thông tin về các chủ tài khoản nước

ngoài để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin của chủ tài khoản nước ngoài theo thỏa thuận trao đổi thông tin. Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) quy định rằng, bắt đầu từ 1/1/2017, giấy chứng nhận khấu trừ chủ sở hữu hưởng lợi được sử dụng để báo cáo một tài khoản duy trì tại một chi nhánh hoặc văn phòng Hoa Kỳ của đại lý khấu trừ là một tổ chức tài chính, phải bao gồm mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản và, trong trường hợp chủ tài khoản là cá nhân, ngày sinh của chủ tài khoản, để đại lý khấu trừ coi chứng nhận khấu trừ đó là hợp lệ. Đối với các chứng nhận khấu trừ gắn liền với các khoản thanh toán thực hiện sau 1/1/2018, chủ tài khoản mà không cung cấp mã TIN nước ngoài phải có giải trình phù hợp về việc không có mã TIN nước ngoài, để chứng nhận khấu trừ đó không bị coi là không hợp lệ theo Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B). Các quy định tạm thời Chương 3 cũng quy định rằng nếu chứng nhận khấu trừ không có ngày sinh của chủ tài khoản và đại lý khấu trừ có ngày sinh trong dữ liệu, chứng nhận khấu trừ đó sẽ không bị coi là không hợp lệ.

Đối với năm tài khóa 2017, Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu 1042-S quy định rằng đại lý khấu trừ là văn phòng hoặc chi nhánh Hoa Kỳ của một tổ chức tài chính phải báo cáo mã TIN nước ngoài của người nhận tại Biểu mẫu 1042-S khi mà người nhận đã cung cấp tài liệu có mã TIN nước ngoài. Hướng dẫn quy định rằng, bắt đầu từ năm tài khóa 2017, đại lý khấu trừ bị yêu cầu báo cáo ngày sinh của người nhận là cá nhân tại Biểu mẫu 1042-S khi người nhận đã cung cấp tài liệu có ngày sinh hoặc khi hồ sơ của đại lý khấu trừ có ngày sinh của người nhận.

B. Phạm vi sửa đổi và quy trình để đại lý khấu trừ từng bước thực hiện các yêu cầu thu thập và báo cáo mã TIN nước ngoài và ngày sinh của chủ tài khoản

Sau khi các quy định tạm thời Chương 3 được ban hành, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS đã nhận được góp ý từ các đại lý khấu trừ về khó khăn trong việc thu thập và báo cáo mã TIN nước ngoài và ngày sinh của chủ tài khoản trong thời gian quy định. Phản hồi lại những góp ý này, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định sửa đổi các quy định tạm thời Chương 3 nhằm giảm thiểu những trường hợp phải báo cáo mã TIN nước ngoài và ngày sinh, như nêu tại Phần IV.B.1 và IV.B.2 của Thông báo này; quy định những trường hợp ngoại lệ không phải cung cấp mã TIN nước ngoài đối với một số chủ tài khoản nhất định, nêu tại Phần IV.B.3 của Thông báo này; và áp dụng từng bước các quy định về thu thập mã TIN nước ngoài, nêu tại Phần IV.B.4 của Thông báo này. Ngoài ra, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa các quy định tạm thời

Chương 3 nhằm giảm bớt việc thu thập ngày sinh đối với các chứng nhận khấu trừ nhất định ký trước ngày 1/1/2018, nêu tại phần IV.B.5 của Thông báo này.

Đối với phần IV, cụm từ “chứng nhận khấu trừ” được hiểu là Biểu mẫu W-8BEN, W-8BEN-E, W-8ECI, W-8EXP, và đối với trung gian đạt chuẩn hoạt động như một đơn vị kinh doanh chứng khoán phát sinh đạt chuẩn (QDD) đòi lợi ích thỏa thuận đối với cổ tức, Biểu mẫu W-8IMY. Cụm từ “đại lý khấu trừ” sử dụng tại Phần IV được hiểu là một đại lý khấu trừ là chi nhánh hoặc văn phòng Hoa Kỳ của một tổ chức tài chính (nêu tại Phần IV.B.1 của Thông báo này).

1. Các tài khoản và tổ chức tài chính áp dụng Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B)

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) để làm rõ rằng cụm từ “chủ tài khoản” có ý nghĩa nêu tại Khoản 1.1471-5(a)(3) và cụm từ “tài khoản” nghĩa là tài khoản tài chính, như được định nghĩa tại Khoản 1.1471-5(b) (thay thế “TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NƯỚC NGOÀI” bằng “văn phòng và chi nhánh Hoa Kỳ của một tổ chức tài chính”). Ngoài ra, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) để làm rõ rằng cụm từ “tổ chức tài chính” nghĩa là một tổ chức nhận tiền gửi, tổ chức lưu ký, tổ chức đầu tư, hoặc một công ty bảo hiểm cụ thể, từng loại tổ chức đã được định nghĩa tại Khoản 1.1471-5(e).

2. Các khoản thanh toán áp dụng Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B)

Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) quy định rằng chứng nhận khấu trừ gắn liền các “khoản thanh toán” phải có mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) và ngày sinh (đối với cá nhân). Các khoản thanh toán này bao gồm bất kỳ khoản thanh toán nào nêu tại Phần 1441 tới 1446, Chương 4 và Chương 61 (do các phần và chương này liên quan tới chứng nhận khấu trừ chủ sở hữu hưởng lợi dùng để xác định trạng thái nước ngoài). Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS cho rằng một đại lý khấu trừ không nhất thiết phải thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) hoặc (đối với cá nhân) ngày sinh tại chứng nhận khấu trừ mà đại lý khấu trừ thu thập chỉ để tránh việc báo cáo Biểu mẫu 1099 và khấu trừ dự phòng, hoặc trong trường hợp một khoản thanh toán gắn liền với chứng nhận khấu trừ không phải là đối tượng báo cáo Biểu mẫu 1042-S. Do đó, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) nhằm hạn chế phạm vi của Khoản

này vì mục đích này rằng một chứng nhận khấu trừ phải bị coi là không hợp lệ theo Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) đối với các khoản thanh toán thu nhập có nguồn gốc Hoa Kỳ phải báo cáo tại Biểu mẫu 1042-S (trước khi áp dụng Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B)). Do hạn chế này, đại lý khấu trừ sẽ không, ví dụ, bị yêu cầu khấu trừ theo Phần 3406 trên tổng thu nhập trả cho chủ tài khoản cá nhân do áp dụng các luật giả định tại Phần 1441 khi một chủ tài khoản cung cấp chứng nhận khấu trừ hợp lệ nhưng thiếu mã TIN nước ngoài và ngày sinh của chủ tài khoản.

3. Các trường hợp ngoại lệ đối với yêu cầu thu thập mã TIN nước ngoài của một số tài khoản nhất định

i. Tài khoản nắm giữ bởi người cư trú tại các quốc gia mà Hoa Kỳ không có thỏa thuận có hiệu lực liên quan tới việc trao đổi thông tin thuế

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa các quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định rằng một đại lý khấu trừ không bị yêu cầu thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) của tài khoản nắm giữ bởi cá nhân cư trú tại quốc gia không có hiệp ước hoặc thỏa thuận song phương về thuế thu nhập hoặc nội dung khác liên quan tới việc trao đổi thông tin thuế trong phạm vi Phần 6103(k)(4) của IRC mà Hoa Kỳ đồng ý cung cấp và nhận thông tin thuế. Hạn chế này nhất quán với hạn chế về yêu cầu báo cáo thông tin tại Khoản 1.6049-8(a) về lãi tiền gửi có nguồn gốc Hoa Kỳ trả cho các cá nhân không cư trú. Danh sách các quốc gia đại lý khấu trừ phải tham khảo về những hạn chế đối với việc báo cáo theo Khoản 1.6049-8(a) và 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) (như đã chỉnh sửa theo Thông báo này) được ghi tại Phần 3 của Thủ tục Thuế 2014-64, 2014-53 I.R.B. 1022, được bổ sung bởi Thủ tục Thuế 2016-56, 2016-52 I.R.B. 920, và văn bản này có thể được cập nhật thêm trong các hướng dẫn sắp tới. Nếu Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS bổ sung thêm danh sách các quốc gia tại phần 3 của Thủ tục Thuế 2014-64, áp dụng những hạn chế nêu tại Thông báo này, đại lý khấu trừ phải thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) của mỗi chủ tài khoản cư trú tại quốc gia đó trước khi điền Biểu mẫu 1042-S (và các yêu cầu mở rộng) từ năm tài khóa sau khi quốc gia đó được thêm vào danh sách.

ii. Các tài khoản nắm giữ bởi cư dân tại các quốc gia không cấp mã TIN nước ngoài

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) nhằm quy định rằng đại lý khấu trừ không bị yêu cầu thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) của tài khoản nắm giữ bởi người cư trú tại quốc gia mà IRS nêu tại danh sách các quốc gia không cấp mã TIN nước ngoài cho người dân cư trú. Danh sách các quốc gia này (khi có) có thể truy cập tại www.IRS.gov/FATCA. Tại thời điểm ra Thông báo này, các quốc gia sau được xác định là không cấp mã TIN nước ngoài cho người dân cư trú và sẽ được liệt kê trong danh sách dưới đây:

- Bermuda
- Quần đảo British Virgin
- Đảo Cayman

Người nộp thuế có thể dựa vào các quốc gia xác định ở trên cho mục đích của Thông báo này. IRS dự định cập nhật danh sách này để bổ sung các quốc gia không cấp mã TIN nước ngoài (sau khi tham khảo các cơ quan có thẩm quyền tại các quốc gia đó), bao gồm việc phản hồi lại các góp ý của người nộp thuế nhằm xác định thêm các quốc gia không cấp mã TIN nước ngoài. Danh sách các quốc gia không cấp mã TIN nước ngoài cho người cư trú của IRS sẽ được cập nhật nếu như quốc gia đó bắt đầu cấp mã TIN nước ngoài.

iii. Tài khoản nắm giữ bởi Chính phủ, Tổ chức quốc tế, Ngân hàng Trung ương hoặc người cư trú tại lãnh thổ Hoa Kỳ

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B) nhằm quy định rằng đại lý khấu trừ không bị yêu cầu thu thập mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) nếu đại lý khấu trừ đã thu thập được chứng nhận khấu trừ hợp lệ mà đại lý khấu trừ có thể dựa vào theo quy định tại Phần 1141 để coi chủ tài khoản như một Chính phủ, Tổ chức quốc tế, Ngân hàng Trung ương hoặc ngoài cư trú tại lãnh thổ Hoa Kỳ.

4. Yêu cầu chuyển đổi từng bước để tiến tới thu thập mã TIN nước ngoài tại Khoản 1.1441-1T(e)(2)(ii)(B)

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa các quy định tạm thời Chương 3 nhằm cho đại lý khấu trừ thêm thời gian để tuân thủ yêu cầu thu thập mã TIN nước ngoài. Như được nêu chi tiết dưới đây, phần IV.B.4 này Mô tả

cách mà yêu cầu cung cấp mã TIN nước ngoài theo quy định tạm thời Chương 3 được chuyển đổi dần trong khoảng thời gian từ nay tới trước 31/12/2019.

Phần IV.B.4.i của Thông báo này quy định các luật áp dụng cho các chứng nhận khấu trừ ký sau ngày 1/1/2018, bao gồm quy định nhằm xác định liệu một đại lý khấu trừ có thể dựa vào mã TIN nước ngoài ghi tại chứng nhận khấu trừ hay không. Phần IV.B.4.ii, iii, và iv tại Thông báo này quy định nguyên tắc để xác định tính hợp lệ của chứng nhận khấu trừ thiếu mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) ký trước ngày 1/1/2018, trong giai đoạn chuyển đổi dần. Phần IV.B.4.v của Thông báo này quy định thủ tục thay thế nhằm thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) cho chứng nhận khấu trừ ký trước ngày 1/1/2018. Nếu một đại lý khấu trừ thu thập mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) theo thủ tục thay thế (thay vì thu thập chứng nhận khấu trừ mới), một chứng nhận khấu trừ có hiệu lực khác sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi giai đoạn chuyển đổi dần kết thúc, cho tới khi giai đoạn có hiệu lực kết thúc hoặc khi nó mất hiệu lực (thời điểm sớm hơn trong 2 thời điểm trên).

i. Chứng nhận khấu trừ ký vào/sau ngày 1/1/2018

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa các quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định rằng chứng nhận khấu trừ mà chủ tài khoản ký vào/sau ngày 1/1/2018 (khác chủ tài khoản được coi là ngoại lệ theo phần IV.B.3 tại Thông báo này) để báo cáo về một tài khoản duy trì tại chi nhánh hoặc văn phòng Hoa Kỳ của đại lý khấu trừ, phải có mã TIN Hoa Kỳ (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài).

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa các quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định rằng đại lý khấu trừ có thể dựa vào mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản trừ khi đại lý khấu trừ đó biết hoặc có cơ sở để biết (nêu tại Khoản 1.1441-7(b)(2)) là mã TIN nước ngoài đó không chính xác. Do đó, đại lý khấu trừ không bị yêu cầu đối chiếu định dạng hoặc các yếu tố khác của mã TIN nước ngoài với hệ thống TIN của quốc gia đó. Nhằm mục đích của Khoản 1.1441-1(e)(4)(ii)(D) (nêu những yêu cầu đối với việc thay đổi hoàn cảnh), cơ sở để một đại lý khấu trừ biết rằng mã TIN nước ngoài là không chính xác sẽ bao gồm thông báo từ chủ tài khoản của địa chỉ cư trú mới nằm ngoài quốc gia nêu tại chứng nhận khấu trừ.

Các quy định tạm thời Chương 3 quy định rằng nếu chủ tài khoản không có mã TIN nước ngoài, chủ tài khoản phải giải trình một cách hợp lý về việc thiếu mã TIN nước ngoài (ví dụ như quốc gia cư trú không cung cấp mã TIN). Yêu cầu này sẽ được làm rõ trong các quy định để chỉ rõ rằng phần giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài trong phạm vi quy định tại Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu W-8BEN, W-8BEN-E, W-8ECI, W-8EXP và đối với một nhà buôn chứng khoán phát sinh đạt chuẩn (QDD) đòi lợi ích thỏa thuận đối với cổ tức, Biểu mẫu W-8IMY. Những hướng dẫn này được chỉnh sửa (tháng 6 hoặc 7/2017) nhằm quy định rằng phần giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài là một cam kết rằng chủ tài khoản không bị pháp luật yêu cầu lấy mã TIN nước ngoài. Nếu chủ tài khoản giải trình khác với hướng dẫn, đại lý khấu trừ phải xác định liệu phần giải trình có hợp lý hay không. Đại lý khấu trừ được phép dựa vào phần giải trình hợp lý trừ khi đại lý khấu trừ biết rằng chủ tài khoản đó có mã TIN nước ngoài.

Ngoài ra, nếu một đại lý khấu trừ duy trì tài khoản tại ngày 31/12/2017 và tài khoản đó có chứng nhận khấu trừ hợp lệ tại thời điểm đó, cơ sở để đại lý khấu trừ biết mã TIN nước ngoài là không chính xác, hoặc là thật sự biết rằng chủ tài khoản có mã TIN nước ngoài bất chấp việc có phần giải trình, bị hạn chế trong phạm vi thông tin có thể tìm kiếm trên hệ thống điện tử (như nêu tại Khoản 1.1471-1(b)(38)) trong hồ sơ của đại lý khấu trừ.

ii. Chứng nhận khấu trừ đối với các khoản thanh toán thực hiện trước ngày 1/1/2018

Bộ Tài chính và IRS dự định chỉnh sửa quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định rằng chứng nhận khấu trừ hợp lệ không bị coi là không hợp lệ đối với các khoản thanh toán cho chủ tài khoản trước ngày 1/1/2018, chỉ vì chứng nhận khấu trừ không có mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài).

iii. Chứng nhận khấu trừ ký trước ngày 1/1/2018 và có thời hạn hợp lệ 3 năm

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định rằng một chứng nhận khấu trừ hợp lệ được ký trước ngày 1/1/2018 và có hiệu lực ba năm theo Khoản 1.1441-1(e)(4)(ii)(B) và 1.1471-3(c)(6)(ii)(B) sẽ không bị coi là không có hiệu lực đối với các khoản thanh toán thực hiện vào/sau ngày 1/1/2018 chỉ vì chứng nhận khấu trừ không

có mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài), cho tới thời điểm được quy định trong phần IV.B.4.iv. Chứng nhận khấu trừ như vậy sẽ bị coi là không hợp lệ theo phần IV.B.4.iv đối với các khoản thanh toán thực hiện sau ngày (1) 31/12/2019; (2) ngày chứng nhận khấu trừ hết hiệu lực; hoặc (3) nếu thích hợp, ngày mà có sự thay đổi về hoàn cảnh đòi hỏi phải có giấy chứng nhận khấu trừ sửa đổi (ngày xảy ra sớm nhất trong 3 ngày trên). Tuy nhiên, đối với các khoản thanh toán thực hiện sau ngày 31/12/2019, đại lý khấu trừ có thể dựa vào các thủ tục thay thế được nêu tại phần IV.B.4.v của Thông báo này để thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý).

iv. Chứng nhận khấu trừ ký trước ngày 1/1/2018 và có hiệu lực vĩnh viễn

Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định rằng một chứng nhận khấu trừ hợp lệ ký trước ngày 1/1/2018 và có hiệu lực vĩnh viễn theo Khoản 1.1441-1(e)(4)(ii)(B) và 1.1471-3(c)(6)(ii)(B) sẽ không bị coi là không hợp lệ đối với các khoản thanh toán thực hiện vào/sau ngày 1/1/2018 chỉ vì chứng nhận khấu trừ không có mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài), cho tới thời điểm được quy định trong phần IV.B.4.iv. Chứng nhận khấu trừ như vậy sẽ bị coi là không hợp lệ theo phần IV.B.4.iv đối với các khoản thanh toán thực hiện sau ngày (1) 31/12/2019; hoặc (2) nếu thích hợp, ngày mà có sự thay đổi trong hoàn cảnh đòi hỏi phải có giấy chứng nhận khấu trừ sửa đổi (ngày xảy ra sớm hơn trong 2 ngày trên). Tuy nhiên, đối với các khoản thanh toán thực hiện sau ngày 31/12/2019, đại lý khấu trừ có thể dựa vào các thủ tục thay thế được nêu tại phần IV.B.4.v của Thông báo này để thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình thích hợp).

v. Thủ tục thay thế để thu thập và gắn mã TIN nước ngoài với chứng nhận khấu trừ ký trước ngày 1/1/2018

Một chứng nhận khấu trừ hợp lệ không có mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) ký trước ngày 1/1/2018, sẽ tiếp tục có hiệu lực đối với các khoản thanh toán thực hiện sau ngày 31/12/2019, nếu đại lý khấu trừ (1) thu thập mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) từ chủ tài khoản bằng văn bản (bao gồm cả văn bản gửi qua thư điện tử) mà đại lý khấu trừ gắn với chứng nhận khấu trừ của chủ tài khoản; hoặc (2) mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản có trong hồ sơ

của đại lý khấu trừ và đại lý khấu trừ gắn mã TIN nước ngoài với chứng nhận khấu trừ của chủ tài khoản. Mặc dù đã nêu như trên, chứng nhận khấu trừ hợp lệ ký trước ngày 1/1/2018 không có mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý) sẽ không còn hợp lệ đối với các khoản thanh toán thực hiện sau (1) ngày chứng nhận khấu trừ hết hiệu lực (trong trường hợp chứng nhận khấu trừ có hiệu lực 3 năm) hoặc (2) ngày đại lý khấu trừ quyết định rằng cần có chứng nhận khấu trừ sửa đổi (nếu có) và đại lý khấu trừ phải thu thập mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản (hoặc giải trình hợp lý) tại chứng nhận khấu trừ mới (ngày xảy ra sớm hơn trong 2 ngày trên). Việc đại lý khấu trừ dựa vào mã TIN nước ngoài (hoặc giải trình hợp lý về việc tại sao chủ tài khoản không được cấp mã TIN nước ngoài) thu thập được theo thủ tục thay thế là đối tượng áp dụng tiêu chuẩn hiểu biết nêu tại Phần IV.B.4.i của Thông báo này đối với chứng nhận khấu trừ.

5. Yêu cầu thu thập ngày sinh

Quy định tạm thời Chương 3 quy định rằng một chứng nhận khấu trừ hợp lệ không có ngày sinh của chủ tài khoản sẽ không bị coi là không hợp lệ nếu đại lý khấu trừ có ngày sinh của chủ tài khoản trong hồ sơ. Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa quy định tạm thời Chương 3 nhằm quy định trường hợp ngoại lệ đối với yêu cầu này rằng một chứng nhận khấu trừ hợp lệ ký trước ngày 1/1/2018 sẽ không bị coi là không hợp lệ đối với các khoản thanh toán thực hiện trước ngày 1/1/2019 tới chủ tài khoản là cá nhân, chỉ vì chứng nhận khấu trừ không có ngày sinh của chủ tài khoản và hồ sơ của đại lý khấu trừ không có ngày sinh. Việc này cho đại lý khấu trừ thêm thời gian để tuân thủ yêu cầu về ngày sinh đối với các chứng nhận khấu trừ ký trước ngày 1/1/2018. Thêm vào đó, Bộ Tài chính Hoa Kỳ và IRS dự định chỉnh sửa quy định tạm thời Chương 3 để làm rõ rằng đại lý khấu trừ sẽ được coi là có ngày sinh của chủ tài khoản trong hồ sơ nếu đại lý khấu trừ thu thập ngày sinh bằng văn bản (có thể gửi qua email) từ chủ tài khoản.

C. Báo cáo Biểu mẫu 1042-S

IRS dự định sửa đổi Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu 1042-S nhằm quy định rằng, bắt đầu từ việc báo cáo cho năm 2018, đại lý khấu trừ phải báo cáo mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản trên mỗi Biểu mẫu 1042-S phải nộp đối với tài khoản tài chính được duy trì tại một chi nhánh/văn phòng Hoa Kỳ của đại lý khấu trừ trong các trường hợp sau: (1) chủ tài khoản đã cung cấp cho đại lý khấu trừ chứng nhận khấu trừ có bao gồm mã TIN nước ngoài, (2) đại lý khấu trừ đã thu thập mã TIN nước ngoài theo thủ tục thay thế nêu tại Phần

IV.B.4.v của Thông báo này; hoặc (3) đại lý khấu trừ đã xác định được mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản từ nguồn thông tin tìm kiếm điện tử (như đã nêu tại Khoản 1.1471-1(b)(38)).

Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu 1042-S cho năm 2017 sẽ được sửa đổi đối với các chứng nhận khấu trừ nộp từ ngày 1/1/2017, để yêu cầu báo cáo ngày sinh của chủ tài khoản cá nhân nếu ngày sinh có trên chứng nhận khấu trừ hoặc nguồn thông tin tìm kiếm điện tử của đại lý khấu trừ (như đã nêu tại Khoản 1.1471-1(b)(38)). Thêm vào đó, bắt đầu từ việc báo cáo cho năm 2018, Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu 1042-S sẽ yêu cầu báo cáo ngày sinh của chủ tài khoản cá nhân nếu ngày sinh có trên chứng nhận khấu trừ hoặc được xác định trong hồ sơ của đại lý khấu trừ.

Hình phạt đối với việc không tuân thủ các yêu cầu báo cáo sẽ áp dụng đối với việc không báo cáo mã TIN nước ngoài của chủ tài khoản hoặc ngày sinh của chủ tài khoản cá nhân tại Biểu mẫu 1042-S trong phạm vi Hướng dẫn thực hiện Biểu mẫu 1042-S yêu cầu báo cáo thông tin này.

V. Độ tin cậy của Thông báo này đối với người nộp thuế

Trước khi những chỉnh sửa tại Chương 3 tạm thời nêu trong phần IV của Thông báo này được ban hành, người nộp thuế có thể dựa vào những quy định của Thông báo này để tham khảo nội dung của những chỉnh sửa.

VI. Thông tin về chủ thảo của Thông báo này

Chủ thảo chính của Thông báo này là bà Kamela Nelan của Văn phòng Trưởng Luật sư liên kết (Quốc tế). Để biết thêm thông tin về Thông báo này, đề nghị liên hệ theo số điện thoại (202) 317-6942 (cuộc gọi này sẽ tính phí).